

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**DANH SÁCH THI**

**Năm học: 2025 - 2026**

**Bài thi: Giữa kỳ K63-Khối Kỹ sư**

Phòng thi: Bài giữa kỳ lần 1-K63-Kỹ sư Kỹ thuật điện tử - THCN

Ngày thi: 02/04/2026

Ca thi: (01:00 - 03:25)

CBCT1: Nguyễn Thế Vinh

STT	Mã SV	Họ và tên	Mã đề	Điểm trắc nghiệm	Điểm tổng
1	221432374	Dương Hoàng Anh	2632	9.20	9.20
2	221432378	Lưu Ngọc Tuấn Anh	2665	8.80	8.80
3	221432379	Lý Thế Anh	2629	9.20	9.20
4	221432383	Nguyễn Duy Anh	2610	7.60	7.60
5	221432386	Nguyễn Hoàng Anh	2663	9.60	9.60
6	221432389	Vũ Duy Anh	2634	9.20	9.20
7	221432393	Nguyễn Quốc Bảo	2615	10.00	10.00
8	221432394	Vũ Việt Bảo	2660	8.80	8.80
9	221432395	Nguyễn Thanh Bằng	2659	9.20	9.20
10	221432398	Dương Văn Cảnh	2638	8.00	8.00
11	221432400	Lê Thanh Cao	2650	8.80	8.80
12	221432405	Trần Đức Công	2656	9.60	9.60
13	221432407	Nguyễn Hữu Mạnh Cường	2651	9.60	9.60
14	221432403	Phạm Minh Chương	2654	8.40	8.40
15	221432411	Nguyễn Thành Danh	2603	10.00	10.00
16	221432412	Lê Hoàng Anh Dũng	2618	9.20	9.20
17	221432416	Nguyễn Trung Dũng	2606	10.00	10.00
18	221432417	Tông Văn Dũng	2669	9.20	9.20
19	221432422	Phạm Khánh Duy	2644	9.20	9.20
20	221432426	Nguyễn Vũ Bình Dương	2620	8.40	8.40
21	221432428	Nguyễn Huy Đại	2613	8.40	8.40
22	221432430	Phạm Đức Đại	2601	3.20	3.20
23	221432431	Võ Văn Đại	2642	9.20	9.20
24	221432432	Vũ Văn Đại	2611	8.80	8.80
25	221432438	Phạm Tiến Đạt	2672	10.00	10.00
26	221432439	Ngô Trọng Đăng	2607	9.20	9.20
27	221432441	Đinh Xuân Đức	2675	9.20	9.20
28	221432442	Hoàng Minh Đức	2643	9.20	9.20
29	221432443	Nguyễn Kim Đức	2646	9.60	9.60
30	221432446	Vũ Minh Đức	2625	8.40	8.40

STT	Mã SV	Họ và tên	Mã đề	Điểm trắc nghiệm	Điểm tổng
31	221432447	Ngô Trường Giang	2636	8.40	8.40
32	221432448	Nguyễn Hoàng Giang	2677	9.20	9.20
33	221432450	Nguyễn Hoàng Hà	2639	10.00	10.00
34	221432452	Hoàng Lê Hải	2605	8.40	8.40
35	221432453	Nguyễn PHÚ Hải	2673	10.00	10.00
36	221432455	Vũ Hoàng Hải	2631	8.80	8.80
37	221432457	Nguyễn Như Hào	2674	9.20	9.20
38	221402458	Phạm Đức Hào	2666	8.00	8.00
39	221432462	Bùi Trung Hiếu	2664	8.80	8.80
40	221432469	Từ Quốc Hiếu	2662	9.20	9.20
41	221432471	Nguyễn Xuân Hoà	2647	9.60	9.60
42	221432472	Đỗ Xuân Hoàng	2609	8.40	8.40
43	221402475	Nguyễn Hữu Minh Hoàng	2649	9.60	9.60
44	221402478	Thân Trương Khánh Hoàng	2671	8.80	8.80
45	221432480	Trịnh Huy Hoàng	2622	9.20	9.20
46	221432481	Đỗ Trung Học	2658	8.80	8.80
47	221432484	Mai Mạnh Hùng	2608	9.60	9.60
48	221432485	Nguyễn Đức Hùng	2657	10.00	10.00
49	221432488	Phan Mạnh Hùng	2641	9.60	9.60
50	221432490	Đông Quang Huy	2670	9.20	9.20
51	22143501	Hoàng Tuấn Hưng	2630	8.80	8.80
52	221432503	Nguyễn Tuấn Hưng	2648	9.20	9.20
53	221432504	Nguyễn Văn Hưng	2640	7.60	7.60
54	221432520	Vũ Đình Trung Kiên	2604	10.00	10.00
55	221432507	Tạ Xuân Khá	2668	9.60	9.60
56	221432509	Phạm Quang Khải	2652	8.80	8.80
57	221432510	Trần Quang Khải	2621	9.20	9.20
58	221432511	Trần Quang Khải	2628	8.00	8.00
59	221432512	Lê Hoàng Khang	2623	9.60	9.60
60	221432513	Nguyễn Ngọc Khánh	2602	8.80	8.80
61	221432514	Phạm Quốc Khánh	2617	9.20	9.20
62	221432523	Nguyễn Văn Lâm	2667	9.20	9.20
63	221402526	Nguyễn Đình Linh	2619	8.80	8.80
64	221432529	Nguyễn Minh Long	2676	9.60	9.60
65	221432536	Dương văn minh	2645	8.80	8.80
66	221432540	Lê Văn Minh	2651	9.20	9.20
67	221432541	Nguyễn Tuấn Minh	2661	7.60	7.60
68	221432546	Hoàng Văn Nam	2659	9.20	9.20
69	221432547	Lê Trọng Nam	2627	7.60	7.60
70	221432549	Nguyễn Hải Nam	2614	9.60	9.60
71	221432555	Bùi Công Nhật	2633	9.20	9.20
72	221432560	Lê Trường Phát	2635	9.60	9.60

STT	Mã SV	Họ và tên	Mã đề	Điểm trắc nghiệm	Điểm tổng
73	221432563	Nguyễn Thế Phong	2637	10.00	10.00
74	221432566	Bùi Hoàng Phú	2612	8.80	8.80
75	221432567	Hoàng Văn Phúc	2653	10.00	10.00
76	221432572	Trịnh Duy Phước	2626	8.80	8.80
77	221432578	Bùi Văn Quốc	2655	8.40	8.40
78	221432580	Hoàng Diễm Quỳnh	2634	9.20	9.20
79	221402583	Nguyễn Ngọc Sơn	2616	9.60	9.60
80	221432618	Trần Văn Tiên	2663	9.60	9.60
81	221432624	Thiều Đình Toàn	2624	7.20	7.20
82	221432625	Doãn Đình Toàn	2636	8.40	8.40
83	221402637	Bùi Anh Tuấn	2623	9.60	9.60
84	221432641	Phạm Tiến Tùng	2613	8.80	8.80
85	221432644	Nguyễn Cao Ngọc Tuyên	2617	9.60	9.60
86	221432589	Phạm Anh Thái	2658	8.80	8.80
87	221432591	Vương Văn Thái	2653	7.60	7.60
88	221432594	Ngô Chí Thành	2608	8.80	8.80
89	211440565	Nguyễn Đình Thành	2652	8.00	8.00
90	221432597	Vũ Tân Thành	2660	9.60	9.60
91	221432600	Nguyễn Văn Thắng	2676	9.20	9.20
92	221432602	Vũ Đức Thiện	2626	9.20	9.20
93	221432604	Nguyễn Hữu Thịnh	2601	9.60	9.60
94	221432608	Bùi Duy Thọ	2614	9.60	9.60
95	221432610	Ninh Văn Thơ	2625	7.60	7.60
96	221402613	Nguyễn Trọng Thủy	2638	7.60	7.60
97	221432628	Phan Văn Tranh	2610	9.20	9.20
98	221432631	Lương Việt Trung	2644	9.20	9.20
99	221432632	Ngô Quốc Trung	2603	9.20	9.20
100	221432636	Phạm Đan Trường	2664	9.20	9.20
101	221432649	Đinh Lâm Vũ	2648	8.80	8.80
102	221432653	Đào Thị Xinh	2667	8.40	8.40

Hà Nội, ngày 02 tháng 04 năm 2026

**Trưởng ban chấm thi**

Người lập bảng

